

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ thực tiễn hoạt động phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 30/TTr-SKH-CN ngày 14/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện/thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, UBND huyện, thành phố và thực tiễn phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân, tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao khả năng tiếp nhận và ứng dụng các thành tựu tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong các lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định đầy đủ, cụ thể các định hướng, nội dung, nhiệm vụ cụ thể để các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Các nhiệm vụ xác định phải có trọng tâm, lộ trình thực hiện cụ thể và bảo đảm tính khả thi, hiệu quả nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng lợi vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, hoàn thiện cơ chế chính sách, kiến tạo môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh phát triển.

- Phân công trách nhiệm cụ thể, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, UBND huyện, thành phố có liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh phát triển vững chắc với phương châm "Tiên phong sáng tạo, khát vọng đổi mới", thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Vĩnh Phúc trở thành tỉnh phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập cao trung bình đến năm 2030 đạt 25%/năm; góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người Vĩnh Phúc, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao vị thế, uy tín của tỉnh Vĩnh Phúc; tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các tỉnh của cả nước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao (CNTT, công nghệ phần mềm, công nghệ tự động hóa và điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, argis,...) vào sản xuất phù hợp với những đặc thù và lợi thế riêng của tỉnh Vĩnh Phúc. Chú trọng phát triển các sản phẩm Công nghiệp, công nghiệp điện tử chủ lực tỉnh đưa Vĩnh Phúc trở thành trung tâm công nghiệp điện tử của cả nước. Gắn KH&CN với sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch; sinh thái, du lịch - dịch vụ, đô thị.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu và trường đại học, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức trong doanh nghiệp. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế (GRDP), phần đầu đạt mức 50% (năm 2025) và đến năm 2030 phần đầu đạt 55%.

b) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại, đưa Vĩnh Phúc trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2025 và là tỉnh có công nghiệp hiện đại vào năm 2030; tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng lợi thế thương mại, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2025, tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (VietGAP, GlobalGAP,...) hoặc tương đương đạt trên 10%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực ứng dụng công nghệ cao đạt trên 5%; tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 25% GRDP; xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh nằm trong nhóm 20 tỉnh đứng đầu của cả nước.

Đến năm 2030, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo phần đầu đạt tối thiểu 45%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (VietGAP, GlobalGAP,...) hoặc tương đương đạt trên 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực ứng dụng công nghệ cao đạt trên 10%; tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP; xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu của cả nước.

c) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và Việt Nam nói chung; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển của tỉnh, của đất nước; đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI), phần đầu duy trì mức trên 0,7.

d) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh góp phần không ngừng cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam (thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới).

đ) Đến năm 2025, đầu tư cho khoa học và công nghệ của tỉnh phần đầu đạt 2 % GDP. Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học và công nghệ của tỉnh phần đầu đạt trên 2% cao hơn mức bình quân của cả nước.

e) Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh (quy đổi toàn thời gian) phần đầu đạt 10 người trên một vạn dân, đến năm 2030 phần đầu đạt 12 người trên một vạn dân; trong đó chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp.

g) Hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ được cơ cấu lại gắn với định hướng ưu tiên phát triển của quốc gia, tỉnh, ngành và lĩnh vực theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc gia và quốc tế. Đến năm 2025, phần đầu có 1-2 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng quốc gia và khu vực, đến năm 2030 có 3-4 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng quốc gia và khu vực.

h) Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng tối thiểu hai lần so với năm 2020 (trong đó, đến năm 2025 phát triển thêm 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đến năm 2030 phát triển thêm 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ); tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo phần đầu đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp.

i) Gia tăng mạnh mẽ số lượng công bố quốc tế về sở hữu trí tuệ, đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế, đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ so với hiện nay (đến năm 2025, tối thiểu đạt 25 đối tượng và đến năm 2030, tối thiểu đạt 30 đối tượng là nhãn hiệu, sáng chế/giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; giống cây trồng; bản quyền tác giả số lượng tài sản trí tuệ được hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ).

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh

a) Sửa đổi, hoàn thiện, cụ thể hóa cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh phù hợp với hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ, các luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với khoa học và công nghệ của tỉnh.

b) Đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; mạnh dạn đề xuất triển khai các cơ chế thí điểm, thử nghiệm và đặc thù đối với các loại hình mới, mô hình mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán, chấp nhận nguyên tắc rủi ro và có độ trễ trong hoạt động khoa học và công nghệ; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành trong nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

c) Tái cơ cấu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Tập trung phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao, nhất là lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh, hình thành một số dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong một số lĩnh vực trọng điểm, có thế mạnh và có tiềm năng nhằm giải quyết những vấn đề đặc biệt quan trọng trong dài hạn để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Thống nhất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo gắn với khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả phối hợp đồng bộ trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tinh gọn bộ máy, tập trung vào việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

đ) Phát triển hệ thống dự báo khoa học và công nghệ, xây dựng định hướng phát triển công nghệ, bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ của một số lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, trong đó chú trọng một số lĩnh vực như công nghệ về sức khỏe, trí tuệ nhân tạo, vật liệu mới, tích trữ năng lượng và một số lĩnh vực gắn với đầu tư của doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh.

e) Đưa các chỉ tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo vào nội dung quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh.

2. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo của tỉnh

a) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh liên kết chặt chẽ với quốc gia. Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa, các cụm liên kết ngành; trong đó các doanh nghiệp lớn có vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong tỉnh và ngoài tỉnh.

b) Tích cực triển khai các nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở nhằm thu hút mọi nguồn lực đầu tư trong tỉnh và ngoài tỉnh tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới, hình thành doanh nghiệp mới.

c) Tăng cường liên kết hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh Vĩnh Phúc với các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong tỉnh và ngoài tỉnh.

d) Hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho Trung tâm ứng dụng và đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để trở thành các đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong tỉnh và ngoài tỉnh.

3. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đảm bảo chi đúng mục đích cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phần đầu từ năm 2025 trở đi, đạt từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Rà soát, tháo gỡ các rào cản, hạn chế nhằm tăng số lượng và quy mô của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tạo thuận lợi tối đa để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật. **Bổ sung nguồn lực tài chính cho Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh.**

c) Tích cực triển khai cơ chế đối tác công tư sau khi có đầy đủ hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng, các nền tảng công nghệ số huy động vốn đầu tư nhằm huy động thêm các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh.

4. Phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh

a) Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh. Nghiên cứu giao kinh phí cho các tổ chức khoa học và

công nghệ công lập dựa trên đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tập trung phát triển một số tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đạt trình độ cao. Tổ chức đánh giá, công bố xếp hạng và lựa chọn các tổ chức khoa học và công nghệ có tiềm năng để tập trung đầu tư phát triển và có cơ chế, chính sách ưu tiên trong việc đặt hàng và giao các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư cùng với các doanh nghiệp lớn, đối tác nước ngoài để phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ xuất sắc về công nghệ.

5. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực

a) Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học). Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

b) Đào tạo đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trình độ cao của tỉnh. Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng nhân lực khoa học và công nghệ trong các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh hướng tới đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để thống nhất nhu cầu về nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ tiếp nhận các sinh viên thực tập từ khi chưa tốt nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức và tài liệu đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp thông qua công nghệ số, mạng xã hội, các kênh truyền thông. Ban hành sổ tay hướng dẫn về quản trị công nghệ và tổ chức các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp.

c) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ/cấp độ khác nhau. Đưa đào tạo kiến thức về quản lý và kinh tế, về đổi mới sáng tạo, về khởi nghiệp, về sở hữu trí tuệ, về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo nghề.

Thúc đẩy chi cho phát triển nhân lực từ quỹ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, ưu đãi về tín dụng cho đào tạo nhân lực.

d) Thúc đẩy chính sách khuyến khích, thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hai chiều giữa khu vực công và tư; nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trình độ cao, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành từ nước ngoài, địa phương khác, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh; có cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho các chuyên gia, giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đề nghị đánh giá, công nhận các phòng thí nghiệm do nhà nước và doanh nghiệp đầu tư để làm cơ sở ưu tiên hỗ trợ nguồn lực gắn với các nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học, nhà công nghệ giỏi. Tăng cường đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho duy trì, bảo hành, bảo trì thiết bị, máy móc, cán bộ kỹ thuật để vận hành các phòng thí nghiệm do nhà nước đầu tư. Thực hiện cơ chế, chính sách triển khai các dịch vụ để bù đắp chi phí và tái đầu tư nâng cấp thường xuyên cho các phòng thí nghiệm được nhà nước đầu tư.

b) Triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng của tỉnh theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển được hạ tầng chất lượng cấp tỉnh đồng bộ với hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ.

c) Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối, tăng cường liên kết hiệu quả với các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ uy tín trong nước; tiếp tục đầu tư mua một số cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ có giá trị và có ý nghĩa thiết thực đối với nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; tăng cường công tác quản lý thống kê khoa học và công nghệ. Nâng cao trình độ của đội ngũ biên tập, thu hút, khuyến khích các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh đăng tải thông tin có chất lượng. Nghiên cứu, ban hành quy định bắt buộc các đề tài từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh phải có công bố trên các tạp chí trong nước.

6. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

a) Nhà nước tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ về công nghệ, sáng chế, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hoạt động dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tư vấn, môi giới về công nghệ cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện các cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ. Rút ngắn thời gian khấu hao máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Xây dựng và thực hiện cơ chế ưu đãi thuế hàng năm cho doanh nghiệp theo doanh thu phát sinh thực tế từ các hoạt động trong danh mục hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện cơ chế khấu trừ thuế thu nhập cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản tài trợ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định (nếu có).

c) Thúc đẩy hình thành và phát triển bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp. Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp trong tỉnh đạt trình độ công nghệ hàng đầu. Thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước về việc cho phép sử dụng kết quả khoa học và công nghệ/tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp FDI có sử dụng lao động trình độ cao người Việt Nam và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại tỉnh để thúc đẩy mục tiêu lan tỏa công nghệ. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp trong tỉnh liên doanh với doanh nghiệp FDI. Thành lập các viện nghiên cứu bên cạnh các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh để học hỏi.

đ) Tập trung triển khai các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ, các giải pháp thúc đẩy đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao môi trường cạnh tranh trong thương mại, nâng cao tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ lưu hành trong nước, hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ, áp dụng các tiêu chuẩn mới ứng với công nghệ mới, đổi mới hoạt động hỗ trợ về hàng rào kỹ thuật (TBT) nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Kết nối các sản phẩm công nghệ với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh với cả địa phương tạo thành mạng lưới thống nhất, toàn diện để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp,....

e) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

g) Tăng cường hỗ trợ hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp, Hội doanh nhân trẻ của tỉnh nhằm thúc đẩy liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các doanh nghiệp. Xây dựng mạng lưới tư vấn viên tư vấn trực tiếp cho các doanh nghiệp về quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp thông qua các hội, hiệp hội.

7. Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, triển khai các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa.

b) Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế hướng vào hỗ trợ một số lĩnh vực khoa học và công nghệ cao. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao các mô hình quản lý về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiên tiến phục vụ nâng cao năng lực của bộ máy quản lý ở tỉnh.

9. Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tiếp tục duy trì, tổ chức thực hiện các giải thưởng dành cho các nhà nghiên cứu có thành tích xuất sắc; các giải thưởng dành cho hoạt động đổi mới sáng tạo, cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo.

b) Khuyến khích, hỗ trợ thanh, thiếu niên nâng cao hiểu biết về khoa học và công nghệ và định hướng nghề nghiệp vào lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Đầu tư, dành thời lượng trên sóng truyền hình, ấn phẩm, kênh truyền thông xã hội chuyên đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt cho trẻ em, thanh thiếu niên. Mở rộng, nâng cao chất lượng và tăng cường truyền thông, khuyến khích đầu tư xã hội cho các cuộc thi, sân chơi về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho trẻ em, thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội; quy định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước phải truyền thông, phổ biến rộng rãi kết quả trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về doanh nghiệp có doanh thu tạo ra từ sản xuất - kinh doanh hình thành từ kết quả hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao giá trị thương hiệu, tạo uy tín đối với người tiêu dùng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh truyền thông và hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của người dân. Xây dựng các hình thức trưng bày, bảo tàng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ rộng rãi các đối tượng trong xã hội trên địa bàn tỉnh.

9. Về tổ chức xây dựng và thực hiện chính sách

a) Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, chuyên gia khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế với tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Tập trung, ưu tiên triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp 4.0, công nghệ cao.

c) Quan tâm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào việc xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người của tỉnh Vĩnh Phúc; vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển và đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh.

d) Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, đầu tư một cách thỏa đáng nhằm tăng cường đầu tư tiềm lực cho khoa học và công nghệ, bổ sung nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh; trong đó chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp.

đ) Từng bước xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ hoàn thiện hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc gia và quốc tế.

e) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ xây dựng, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; phát triển hạ tầng chất lượng tiêu chuẩn, đo lường của tỉnh nhằm đồng bộ với hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh.

2. Các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Việc lập dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung đã được phê duyệt: Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 31/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Nghị quyết số 52 NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Chương trình phối hợp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với UBND tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025 (Chương trình số 10/CTPH-UBND-BKHCN ngày 10/12/2021); Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 22/6/2020 của

UBND tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 31/12/2019 của BCH Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án: “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; các nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này; và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan...

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định số 2667/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ v/v phê duyệt phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025. Tổ chức xây dựng và thực hiện các kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm, hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền Đề án phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về hỗ trợ đổi mới công nghệ và phát triển thị trường công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế phối hợp liên ngành, các chính sách ưu đãi để khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch; đôn đốc các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo; tổng hợp theo dõi, xây dựng báo cáo, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Kế hoạch này trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thu hút các doanh nghiệp, quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư vào các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; triển khai các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý công nghệ, năng lực sáng tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc đối tượng đầu tư công và thuộc trách nhiệm đầu tư cấp tỉnh

theo quy định. Ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư tạo động lực cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

3. Sở Tài chính

- Cân đối ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; bảo đảm theo kế hoạch hàng năm để tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả của các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về tài chính tạo động lực cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh khi có hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo STEM, STEAM trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường nghề trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về tổ chức, cán bộ tạo động lực cho

các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng định hướng công tác tuyên truyền, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tuyên truyền nội dung kế hoạch, các nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phát triển các nền tảng, giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

8. Sở Ngoại vụ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

9. UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và Kế hoạch này, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của địa phương với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

10. Báo Vĩnh Phúc, Đài phát thanh và Truyền hình, Cổng Thông tin giao tiếp điện tử tỉnh.

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

11. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và tổ chức khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này (nếu có); và các nội dung, nhiệm vụ khác có liên quan khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời xem xét, điều chỉnh giải quyết phù hợp với tình hình thực tiễn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

A. CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ ĐÃ PHÊ DUYỆT.

Số TT	Nhiệm vụ	Số văn bản ban hành	Cơ quan ban hành	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Kế hoạch thường xuyên hàng năm					
1.	Kế hoạch triển khai thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	Hàng năm tham mưu UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2018	Tiếp tục thực hiện nội dung liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã ban hành nhằm thực hiện đảm bảo mục tiêu kế hoạch thực hiện chiến lược đề ra.
2.	Kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 29/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.	Kế hoạch số 2367/KH-UBND ngày 09/4/2018	UBND tỉnh	Sở Y tế và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2018	Như trên
3.	Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 80 KH/TU ngày 29/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6	Kế hoạch số 2368/KH-UBND ngày 09/4/2018	UBND tỉnh	Sở Y tế và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2018	Như trên

	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.					
4.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 31/12/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 22/6/2020	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2020	Như trên
5.	Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc (phiên bản 1.0)	Quyết định 2635/QĐ-UBND ngày 25/09/2021	UBND tỉnh	Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2021	Như trên
6.	Triển khai thực hiện quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên gia, cá nhân tư vấn về KH&CN cấp tỉnh Vĩnh Phúc.	Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2021	Như trên
7.	Đề án về phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2035	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	UBND tỉnh	Sở Y tế và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2022	Như trên
8.	Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với các doanh nghiệp FDI từng bước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.	Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 13/10/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2022	Như trên
9.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm xây dựng mô hình “Làng Văn hóa kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 13/01/2023	UBND tỉnh	Sở Văn hóa TT&DL và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2022	Như trên

II	Kế hoạch đến năm 2025					
10.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,	Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 08/6/2020	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030	Như trên
11.	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 26/6/2020	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2020 - 2025	Như trên
12.	Triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021- 2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc .	Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020	HĐND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
13.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.	Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 23/7/2021	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
14.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.	Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 04/8/2021	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
15.	Đề án hoàn thiện chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025.	Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 28/09/2021	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
16.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt	Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 12/10/2021	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành,	Năm 2021-2025, định hướng đến	Như trên

	Nam.			UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	năm 2030	
17.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút trọng dụng người có tài năng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 -2025	Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 12/10/2021	UBND tỉnh	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
18.	Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/11/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ trí thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025	Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 26/10/2021	UBND tỉnh	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
19.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025.	Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 07/3/2023 và Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	UBND tỉnh	Sở Công thương và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2023 - 2025	Như trên
20.	Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030	Kế hoạch số 27/KH-UBND - ngày 08/02/2022	UBND tỉnh	Công an tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030	Như trên
21.	Đề án phát triển Giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 07/03/2022	UBND tỉnh	Sở GD&ĐT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025, định hướng đến 2030	Như trên
22.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	UBND tỉnh	Ban dân tộc và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025	Như trên
23.	Kế hoạch Áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành	Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/07/2022	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các	Năm 2022 -	Như trên

	chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.			huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	2025	
24.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 25/07/2022	UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Như trên
25.	Phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025	Như trên
26.	Kế hoạch Thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025 (số 10/CTPH-UBND-BKHCN ngày 10/12/2021)	Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 16/8/2022	Bộ Khoa học và Công nghệ với UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2025	Như trên
27.	Kế hoạch phát triển Doanh nghiệp Khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 27/10/2022	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025	Như trên
28.	Đề án Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.	Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025	Như trên
29.	Kế hoạch Cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 19/12/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ	Năm 2021 - 2025	Như trên

				quan có liên quan		
30.	Đề án chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.	Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 30/01/2023	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2045	<i>Như trên</i>
C	Kế hoạch đến năm 2030					
31.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030	Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 13/5/2021	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	<i>Như trên</i>
32.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 91-CTr/TU ngày 07/8/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 16/6/2021	UBND tỉnh	Sở Công thương và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045	<i>Như trên</i>
33.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.	Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 02/7/2021	UBND tỉnh	Sở Công thương và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	<i>Như trên</i>
34.	Kế hoạch Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030	Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 27/7/2021	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	<i>Như trên</i>
35.	Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược thủy sản tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng chính phủ	Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 04/8/2021	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030	<i>Như trên</i>

36.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030	Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 17/8/2021	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
37.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.	Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 23/8/2021	UBND tỉnh	Sở Y tế và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
38.	Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 04/9/2021	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
39.	Kế hoạch thực hiện Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030.	Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 02/12/2021	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
40.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.	Kế hoạch 194/KH-UBND ngày 26/7/2022	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
41.	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030”	Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 19/8/2022	UBND tỉnh	Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2021 - 2030	Như trên
42.	Đề án phát triển thủy sản tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 -2030	Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ	Năm 2023 - 2030	Như trên

				quan có liên quan		
43.	Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030	Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 04/11/2022	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2022 - 2030	Như trên
44.	Kế hoạch hành động Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 27/02/2023	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023 đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Như trên
45.	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 29/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Kế hoạch số 669/QĐ-UBND ngày 27/03/2023	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan	Năm 2023 - 2030	Như trên

B. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
I	Nhiệm vụ được xác định tại Kế hoạch hành động số 52/KH-UBND ngày 27/2/2023 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.					
46.	Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2023	
47.	Đề án: “Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 -2025”.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	BTV Tỉnh ủy	Năm 2023	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
48.	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2023-2025	
49.	Điều chỉnh chương trình tổng thể xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 2)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023	
50.	Hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị trên nền GIS tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023-2025	
51.	Nghị quyết về giảm lệ phí để thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023	
52.	Chiến lược dữ liệu tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2024	
53.	Đề án hỗ trợ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023	
54.	Đề án phát triển thương mại điện tử đến năm 2030	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023	
55.	Đề án số hóa và chuyển đổi số hệ thống hồ sơ, tài liệu ISO 9001:2015 (từ bản giấy sang bản điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023	
56.	Đề án phát triển Sàn giao dịch công nghệ thiết bị Vĩnh Phúc.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2024	
57.	Đề án Cải thiện hệ thống thoát nước đô thị theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu cho thành phố Vĩnh Yên đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND thành phố Vĩnh Yên	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2024	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
58.	Xây dựng quy chuẩn môi trường địa phương	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023-2024	
59.	Xây dựng Đề án phát triển thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 2020- 2030, định hướng đến năm 2045.	UBND thành phố Vĩnh Yên	Các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2023	
II	Nhiệm vụ được xác định tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 29/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.					
60.	Đề án Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phổ biến, tập huấn kiến thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương.	Quyết định của UBND tỉnh	2024	
61.	Giải pháp và tổ chức thực hiện đề thư viện các cấp học trên địa bàn tỉnh hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố	100% cơ sở giáo dục hoàn thành xây dựng thí điểm	2023 - 2024	
62.	Đề án Chiến lược thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến 2030, định hướng đến 2050	Sở Kế hoạch và đầu tư	Ban Quản lý các khu công nghiệp, các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023 - 2024	
63.	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Các khu công nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	2024	
64.	Dự án Xây dựng hạ tầng nền tảng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023-2024	Nhiệm vụ cũng được xác định tại Kế hoạch hành động số 52/KH-UBND ngày

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
						27/2/2023 của UBND tỉnh
65.	Đề án phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.	Sở Công Thương	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	2023 - 2024	Như trên
66.	Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định của UBND tỉnh	2024	Như trên
67.	Đề án Phát triển bền vững đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	Như trên
68.	Nghị quyết Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Nghị quyết HĐND	2023-2024	Như trên
69.	Nghị quyết Hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Nghị quyết HĐND	2023	Như trên
70.	Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2024	Như trên
71.	Đề án Nâng cao tiềm lực Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc để đẩy mạnh việc hỗ trợ các DNNVV vay vốn mua sắm máy móc thiết bị, ứng dụng chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc	Quyết định của UBND tỉnh	2024	Như trên
72.	Xây dựng Đề án phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	Như trên
73.	Đề án áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	2023	
74.	Đề án áp dụng tiêu chuẩn hóa hỗ trợ khả năng cạnh tranh và đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc đến năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện,	Quyết định UBND tỉnh	2024	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
	2030		thành phố			
75.	Kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	
76.	Đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hỗ trợ kỹ thuật doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023 - 2024	
77.	Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững tỉnh Vĩnh Phúc trong tình hình mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	
78.	Đề án tổng thể về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-203	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	
79.	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin phát triển hệ thống sàn giao dịch việc làm của Vĩnh Phúc	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định của UBND tỉnh	2023-2024	
80.	Đề án quản lý, bảo tồn, cải tạo, phục hồi các ao, hồ, đầm phục vụ đa mục tiêu trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2023	
81.	Nghị quyết về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030.	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	Các sở ngành	Nghị quyết của BTV	2023	
82.	Đề án chiến lược phát triển du lịch xanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	Các sở, ban ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2025	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành/sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
83.	Dự án Bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện đa khoa Khu vực Phúc Yên.	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định của UBND tỉnh	2023	
84.	Kế hoạch Tăng cường nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong y học hiện đại để nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	Sở Y tế	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2024	
85.	Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ trong y học cổ truyền, sản xuất các sản phẩm từ dược liệu trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế	Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2024	
86.	Đề án xây dựng Nền tảng kỹ năng việc làm và khởi nghiệp cho sinh viên và Câu lạc bộ chuyển đổi số trong các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định của UBND tỉnh	2024	
87.	Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, giám sát an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.	Công An tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Các sở ngành	Quyết định của UBND tỉnh	2024	